

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13/02/2025

“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I, TỈNH G

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông: Nay Phên

2- Bà: Trịnh Thị Thanh Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Võ Xuân K, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh P. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 5, xã Pờ T1, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Xuân K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Xuân K và chị Huỳnh Thị H1 đăng ký kết hôn ngày 15/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ (nay là phường H, thị xã Đ), tỉnh P trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung, nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuối năm 2010 chị

H1 đã bỏ về nhà cha, mẹ đẻ ở cùng với con chung và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị Huỳnh Thị H1.

- Về con chung: Anh Võ Xuân K và chị Huỳnh Thị H1 có 01 con chung tên là Võ Thị H1 O, sinh ngày 06/9/2010. Hiện con chung là Võ Thị H1 O đang sống với chị H1 nên anh Võ Xuân K đề nghị giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Thị H1 O, sinh ngày 06/9/2010 và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/12/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Tại đơn chấp nhận ly hôn bị đơn chị Huỳnh Thị H1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 thống nhất với lời trình bày của anh K về thời điểm sống chung và đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai người. Nay, anh Võ Xuân K yêu cầu ly hôn thì chị H1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị H1 và anh Võ Xuân K có 01 con chung tên là Võ Thị H1 O, sinh ngày 06/9/2010, hiện đang sống với chị H1. Sau khi ly hôn chị H1 đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H1 không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/12/2024, bị đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Ngày 04/12/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ngày 06/12/2024 bị đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho anh Võ Xuân K được ly hôn với chị Huỳnh Thị H1.

Về con chung: Giao 01 con chung tên là Võ Thị H1 O, sinh ngày 06/9/2010 cho chị Huỳnh Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Võ Xuân K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Võ Xuân K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn chị Huỳnh Thị H1 có địa chỉ tại: Thôn 5, xã Pờ T1, huyện I, tỉnh G. Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Ngày 04/12/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ngày 06/12/2024 bị đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Xuân K và chị Huỳnh Thị H1 tự nguyện kết hôn và được ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ (nay là phường H, thị xã Đ), tỉnh P đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/9/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của anh K, chị H1, biên bản xác minh tại địa phương có căn cứ xác định trong quá trình chung sống giữa anh K và chị H1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, dẫn đến việc sau khi kết hôn về chung sống với nhau đến cuối năm 2010 thì vợ chồng xảy ra mâu

thuần và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không có sự quan tâm nhau và chị H1 cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh K được ly hôn chị H1 là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh Võ Xuân K và chị Huỳnh Thị H1 có 01 con chung tên là Võ Thị H1 O, sinh ngày 06/9/2010.

Xét yêu cầu của chị H1 được nhận nuôi con chung và đề nghị của anh K giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung thấy rằng từ khi chị H1 không chung sống với anh K thì con chung là Võ Thị H1 O sống cùng với chị H1. Xét yêu cầu của chị H1 và đề nghị của anh K phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Võ Thị H1 O, sinh ngày 06/9/2010 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Xuân K.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Võ Xuân K được ly hôn với chị Huỳnh Thị H1.

2. *Về con chung:* Giao 01 con chung tên là Võ Thị H1 O, sinh ngày 06/9/2010 cho chị Huỳnh Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã

thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí:* Anh Võ Xuân K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003835, ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện I, tỉnh G. Anh Võ Xuân K đã nộp đủ.

4. *Về quyền yêu cầu thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G;
- VKSND huyện I;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện I;
- Ủy ban nhân dân phường H;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Thịnh